

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2035

Thực hiện Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2035, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị và Nhân dân đối với công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh.

b) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ban, ngành, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và trọng tâm, trọng điểm.

c) Chủ động nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước kiểm soát, hạn chế tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn dân cư, ổn định đời sống Nhân dân, bảo vệ cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

d) Phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, gắn với thực hiện Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang và các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn phải được thực hiện chủ động, thường xuyên, từ sớm, từ xa; kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tham gia thực hiện.

c) Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể; tăng cường phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn giai đoạn 2026 - 2035.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động các giải pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, từng bước kiểm soát cơ bản tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh; góp phần ổn định đời sống Nhân dân, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về sụt lún, sạt lở:

- Phân đầu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành xử lý các khu vực sạt lở trọng điểm bờ biển Tây và bờ sông thuộc các tuyến sông chính ảnh hưởng đến công trình quan trọng theo Điều 4 Quy chế kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ; định hướng lấn biển, xây dựng kè chắn sóng tạo quỹ đất góp phần mở rộng không gian phát triển và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đến năm 2035, cơ bản hoàn thành xử lý sạt lở bờ biển, bờ sông và các khu vực trọng điểm sụt lún bờ sông nhằm bảo vệ khu đô thị, hạ tầng quan trọng và khu dân cư tập trung.

b) Về ngập úng:

- Đến năm 2030 từng bước nâng cấp hệ thống bờ bao, đê điều hiện có bảo đảm chống bão, lũ, triều cường theo tần suất thiết kế; gắn với quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến đê sông, đê biển; đến năm 2035 tiếp tục duy trì, nâng cấp.

- Tập trung phòng, chống ngập đến năm 2030 cho các khu vực đô thị Rạch Giá, Long Xuyên và các vùng ngập sâu đầu nguồn; đến năm 2035 tiếp tục giải quyết đối với khu vực đô thị tập trung và vùng ngập khác.

c) Về hạn hán, xâm nhập mặn:

- Đến năm 2030, chủ động kiểm soát, ứng phó hiệu quả tình trạng xâm nhập mặn trong điều kiện tương đương mùa khô năm 2023 - 2024, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân; tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó: tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 98%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 89,5%.

- Đến năm 2035, kiểm soát hiệu quả tình trạng xâm nhập mặn ở mức tương đương mùa khô năm 2015 - 2016, nâng cao chất lượng sử dụng nước sạch, từng bước nâng cao khả năng thích ứng, bảo đảm an ninh nguồn nước trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao nhận thức và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Tăng cường quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả quan điểm “chủ động thích ứng” với biến đổi khí hậu; tôn trọng quy luật tự nhiên, nhận diện đúng bản chất, nguyên nhân của các hiện tượng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn để chủ động xây dựng giải pháp phòng ngừa, ứng phó, xử lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh theo hướng tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình.

b) Lấy người dân làm trung tâm trong công tác phòng, chống thiên tai; ưu tiên bảo vệ tính mạng, tài sản, ổn định đời sống Nhân dân; gắn nhiệm vụ phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác cát sông, khai thác nước dưới đất, lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, xây dựng công trình làm ảnh hưởng dòng chảy, gây gia tăng nguy cơ sạt lở, ngập úng trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ động rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai phù hợp với từng vùng sinh thái của tỉnh, nhất là khu vực ven biển Tây, vùng U Minh Thượng, Tứ giác Long Xuyên và các khu vực ven sông Tiền, sông Hậu.

2. Hoàn thiện rà soát, bổ sung quy hoạch và thể chế, chính sách, các quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và kế hoạch thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến

năm 2050 các quy hoạch có liên quan và rà soát, đề xuất cập nhật, bổ sung kịp thời theo quy định.

b) Trong năm 2027, hoàn thành việc rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trong các lĩnh vực: tài nguyên nước, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đất đai, lâm nghiệp, xây dựng, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu; phát triển mô hình sinh kế thích ứng (tôm - lúa, nông nghiệp thông minh), các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm nước, giảm phát thải; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng ngập mặn gắn với quản lý, khai thác tín chỉ carbon và các nguồn lợi từ rừng. Trong đó, tập trung triển khai Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long gắn với các giải pháp tiết kiệm nước, tưới ngập khô xen kẽ, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu quả sản xuất; Đề án Bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh An Giang; Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, đảm bảo an ninh lương thực, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

d) Triển khai, thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất; trồng, khôi phục rừng ngập mặn ven biển; xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; khai thác hiệu quả các nguồn lực bổ sung như bán tín chỉ carbon và các nguồn lực hợp pháp khác.

đ) Rà soát, đề xuất hoàn thiện và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đa mục tiêu, trong đó bảo đảm lồng ghép yêu cầu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán và xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên nước, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất đầu mối quản lý; củng cố lực lượng phòng, chống thiên tai từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành, cứu hộ cứu nạn.

b) Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về tài nguyên nước, hệ thống công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai.

4. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước, hệ thống hạ tầng thủy lợi, đê điều và chống ngập đô thị

a) Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch vận hành hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo từng mùa vụ, từng khu vực; chủ động trữ nước tại các kênh, rạch, hồ tự nhiên, trữ nước lũ ở vùng ngập sâu, có các phương án, giải pháp sử dụng nguồn nước, thu trữ nước để ứng phó với hạn mặn.

b) Điều tra, đánh giá trữ lượng nước dưới đất, khoanh định và kiểm soát khu vực hạn chế khai thác, ưu tiên khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt và trong tình huống khẩn cấp do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

c) Chủ động rà soát, sắp xếp, di dời dân cư ven sông, kênh rạch, khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sạt lở nhằm đảm bảo ổn định đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

d) Quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng nhà ở, công trình ven sông, kênh, rạch; các hoạt động khai thác cát lòng sông, khoanh định các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; các hoạt động khai thác nước ngầm và các hoạt động có nguy cơ làm gia tăng sụt lún, sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn.

5. Đánh giá tác động của hệ thống hạ tầng. Đầu tư xây dựng các dự án tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn

a) Rà soát, đánh giá hiệu quả, tác động của các công trình, cơ sở hạ tầng đã đầu tư liên quan đến sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; khắc phục những hạn chế, kịp thời điều chỉnh các dự án, công trình còn bất cập.

b) Đầu tư các dự án phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn có tính tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu, thích ứng thông minh, ứng dụng khoa học - công nghệ; các dự án cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư ở những khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ xảy ra sụt lún, sạt lở cao.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình kiểm soát mặn, giữ ngọt, điều tiết nguồn nước tại các khu vực ven biển, cửa sông và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn; nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp ở các vùng sinh thái (vùng ngọt, ngọt - lợ, lợ - mặn) nhằm chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình cấp nước sinh hoạt cho các khu vực khan hiếm nguồn nước, vùng biên giới và hải đảo đảm bảo cấp nước an toàn, bền vững.

- Trên cơ sở quy hoạch tỉnh từng bước đầu tư các dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất ở các khu vực tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung xử lý các điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm trên sông Tiền và sông Hậu, nhất là các khu vực uy hiếp trực tiếp khu dân cư, công trình hạ tầng trọng yếu và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Áp dụng đồng bộ các giải pháp công trình và

phi công trình về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xói lở nghiêm trọng, đặc biệt khu vực An Minh, An Biên.

- Tranh thủ nguồn lực đầu tư các cụm, tuyến dân cư phòng tránh thiên tai và sắp xếp, di dời dân cư ven sông, kênh, rạch, khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sạt lở.

- Huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị theo mô hình xanh, thông minh, đặc thù sông nước, cải tạo hệ thống hạ tầng chống ngập đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Phối hợp cùng bộ, ngành liên quan đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, ứng dụng công nghệ và mô hình dự báo trên địa bàn, nhằm nâng cao chất lượng, độ tin cậy công tác cảnh báo sớm. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh.

d) Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (bao gồm cả nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài) để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn.

(Phụ lục 1 kèm theo danh mục dự án đầu tư xây dựng)

6. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ cao, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản lý, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ điều hành công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.

b) Phối hợp với các bộ, ngành trung ương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, liên thông, dùng chung; hoàn thiện cơ chế cập nhật, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn giữa các sở, ngành, địa phương với các bộ, ngành.

c) Ưu tiên sử dụng vật liệu tái chế, thân thiện môi trường, thay thế cát lòng sông.

d) Áp dụng các giải pháp phi công trình, những giải pháp, cách làm hay trong khắc phục sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh.

đ) Nghiên cứu, sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản, phương thức canh tác, nuôi trồng hiện đại, phù hợp điều kiện tự nhiên, tiết kiệm nguồn nước và các vật tư đầu vào, nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm phát thải.

7. Tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng và hợp tác quốc tế

a) Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức liên quan trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước và phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.

b) Tham gia các chương trình, cơ chế hợp tác liên vùng, hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện của tỉnh.

8. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức liên quan đến phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ rừng, đất đai, xây dựng, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân, phát huy vai trò của người dân trong phòng ngừa và ứng phó; tăng cường tuyên truyền sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ hành lang sông, kênh, rạch, hạn chế khai thác nước dưới đất và chủ động tham gia phòng, chống thiên tai tại cộng đồng.

(Phụ lục 2 kèm theo các nhiệm vụ trọng tâm, trách nhiệm của các cơ quan và thời gian thực hiện cụ thể)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và nội dung công việc được phân công tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch để thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang và Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh trong quý III năm 2026; đồng thời, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

b) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động của Chính phủ, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang và Kế hoạch này, kịp thời báo cáo và kiến nghị với cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có).

c) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm, 5 năm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành có liên quan và các địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, tham mưu đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật có liên quan trong khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm.

4. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ động bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ địa phương thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2035. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương báo cáo đề xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nvphuong.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức

Phụ lục 1
Danh mục dự án đầu tư xây dựng đa mục tiêu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán,
xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Tên dự án/công trình <i>(theo thứ tự ưu tiên ở từng lĩnh vực)</i>	Địa điểm xây dựng	Quy mô		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến phân bổ nguồn vốn 2026-2035 (tỷ đồng)			Ghi chú
			(ha)	(m)		Tổng số	Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn Địa phương	
Tổng cộng					23.098	23.098	17.338	5.760	
I	Hệ thống cống ngăn mặn, giữ ngọt				1.610	1.610	1.610	0	
1	Hệ thống cống (10 cống) kiểm soát nguồn nước và cải tạo cửa van, kết nối, tự động hóa vận hành (SCADA) các cống trên tuyến đê địa bàn tỉnh An Giang	trên địa bàn tỉnh An Giang			1.610	1.610	1.610		
II	Công trình cấp nước sinh hoạt			31.800	6.898,72	6.898,72	6.886	12,72	
1	Dự án cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân tại các tuyến đường chưa được cấp nước sạch (Tuyến đường cấp kênh Quốc Gia; tuyến đường Tây kênh 7, Tuyến đường Đông kênh 11, Tuyến đường Đông kênh 14, Tuyến đường Đông kênh 15)	xã Châu Phú		31.800	12,72	12,72		12,72	
2	Xây dựng các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh An Giang	xã Giang Thành, phường Tô			3.345	3.345	3.345		Vốn vay

Số TT	Tên dự án/công trình (theo thứ tự ưu tiên ở từng lĩnh vực)	Địa điểm xây dựng	Quy mô		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến phân bổ nguồn vốn 2026-2035 (tỷ đồng)			Ghi chú
			(ha)	(m)		Tổng số	Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn Địa phương	
		Châu, xã Vĩnh Hòa và phường Vĩnh Thông							
3	Xây dựng hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng tứ giác Long Xuyên	phường Tịnh Biên, xã Tri Tôn			3.541	3.541	3.541		Vốn vay
III	Kè sạt lở bờ sông			45.572	5.134	5.134	3.000	2.134	
1	Kè chống sạt lở bờ sông, rạch biên giới, xã Khánh Bình	xã Khánh Bình		2.100	325	325	325		
2	Kè chống sạt lở bờ kênh Rạch Giá - Long Xuyên (bờ Nguyễn Thanh Sơn và Ngô Quyền), phường Long Xuyên	phường Bình Đức và phường Long Xuyên		1.701	190	190	190		
3	Kè chống sạt lở bờ trái sông Vàm Nao, đoạn bên phà Thuận Giang, xã Chợ Mới	xã Chợ Mới		1.500	300	300	300		
4	Kè chống sạt lở bờ sông Hậu gần đồn biên phòng Phú Hữu, xã Phú Hữu	xã Phú Hữu		550	110	110	110		
5	Kè chống sạt lở bờ sông Tiền đoạn tiếp giáp đầu kè Tân Châu, phường Long Phú.	phường Long Phú		1.426	272	272	272		
6	Kè chống sạt lở các khu vực nguy hiểm tuyến rạch Ông Chưởng	xã Long Kiến; Long Điền;		2.490	259	259	259		

Số TT	Tên dự án/công trình (theo thứ tự ưu tiên ở từng lĩnh vực)	Địa điểm xây dựng	Quy mô		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến phân bổ nguồn vốn 2026-2035 (tỷ đồng)			Ghi chú
			(ha)	(m)		Tổng số	Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn Địa phương	
		Nhơn Mỹ; Chợ Mới							
7	Kè chống sạt lở bờ Tây sông Hậu đoạn qua xã Quốc Thái (giai đoạn 2), xã Nhơn Hội	xã Nhơn Hội		500	100	100	100		
8	Kè chống sạt lở bờ Nam sông Hậu - Đình Vĩnh Lộc, xã Phú Hữu	xã Phú Hữu		550	110	110	110		
9	Kè chống sạt lở rạch Cái Sắn (từ mương Năm Sú về sông Hậu) và đoạn rãnh nứt, sạt lở (từ nhà máy Việt Hưng đến rạch Mương Thơm), phường Mỹ Thới	phường Mỹ Thới		720	108	108	108		
10	Kè chống sạt lở bờ sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực Chợ Mới, xã Chợ Mới - Long Điền	xã Chợ Mới-Long Điền		1.800	360	360	360		
11	Kè chống sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ trung tâm An Châu, xã An Châu	xã An Châu		1.000	200	200	200		
12	Kè chống sạt lở đầu cồn cù lao Mỹ Hòa Hưng, xã Mỹ Hòa Hưng	xã Mỹ Hòa Hưng		1.995	400	400	400		
13	Kè chống sạt lở sông Hậu (từ bệnh viện Huỳnh Trung Dũng về hạ lưu), xã Vĩnh Thạnh Trung	xã Vĩnh Thạnh Trung		400	80	80	80		

Số TT	Tên dự án/công trình (theo thứ tự ưu tiên ở từng lĩnh vực)	Địa điểm xây dựng	Quy mô		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến phân bổ nguồn vốn 2026-2035 (tỷ đồng)			Ghi chú
			(ha)	(m)		Tổng số	Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn Địa phương	
14	Kè chống sạt lở bờ sông Hậu đoạn từ phà Ô Môi đến khu đô thị Tây Sông Hậu, phường Long Xuyên	phường Long Xuyên		800	200	200	186	14	
15	Kè chống sạt lở bờ sông Cái Sắn đoạn từ cầu Kênh 2 đến giáp ấp Tân Phú	xã Thạnh Đông		1.200	15	15		15	
16	Kè chống sạt lở bờ sông, kênh trên địa bàn xã Long Thạnh	xã Long Thạnh		7.000	82,2	82,2		82,2	
17	Nâng cấp cải tạo kè chống sạt lở tỉnh lộ 963B (từ cầu Giồng Riềng đến giáp xã Long Thạnh)	xã Giồng Riềng		7.300	803	803		803	
18	Kè chống sạt lở sông Cái Bé (bờ tây từ cầu Bưư điện đến cầu treo)	xã Giồng Riềng		7.500	750	750		750	
19	Kè chống sạt lở tuyến sông Giồng Riềng (từ cầu Bông Súng đến giáp cầu Vàm Xáng Thị Đội)	xã Giồng Riềng		1.800	180	180		180	
20	Kè chống sạt lở tuyến Rạch Bông Súng (2 bên)	xã Giồng Riềng		2.000	200	200		200	
21	Kè chống sạt lở sông Hậu, bảo vệ, tạo cảnh quan khu vực đô thị	xã Châu Phú		1.240	90	90		90	
IV	Kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất		814	25.100	7.360	7.360	4.000	3.360	

Số TT	Tên dự án/công trình (theo thứ tự ưu tiên ở từng lĩnh vực)	Địa điểm xây dựng	Quy mô		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến phân bổ nguồn vốn 2026-2035 (tỷ đồng)			Ghi chú
			(ha)	(m)		Tổng số	Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn Địa phương	
1	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất phía Đông Rạch Giá, tại phường Rạch Giá	phường Rạch Giá	164	5.600	1.510	1.510	1.510		
2	Dự án kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất tại khu vực cảng An Thới thuộc phân khu 6 tại đặc khu Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	150	8.100	1.530	1.530	1.530		
3	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất thuộc phân khu 9 tại đặc khu Phú Quốc	Khu vực Bãi Thơm thuộc phân khu 9, đặc khu Phú Quốc	500	11.400	4.320	4.320	960	3.360	
V	Cụm, tuyến dân cư sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở		21,5	950	549	549	407	142	
1	Tuyến dân cư tái định cư Bắc Kênh Xáng, xã Tân An	xã Tân An	8	450	239	239	239		
2	Di dân vùng sạt lở khu vực ấp Quốc Khánh và ấp Tắc Trúc, xã Nhơn Hội	xã Nhơn Hội	5	280	150	150	150		
3	Khu dân cư Kiến Thành, ấp Kiến Thuận 2, xã Chợ Mới	xã Chợ Mới	2	110	60	60	18	42	
4	Khu dân cư Kiến Bình mở rộng, ấp Kiến Bình 1, xã Chợ Mới	xã Chợ Mới	2	110	60	60		60	

Số TT	Tên dự án/công trình (theo thứ tự ưu tiên ở từng lĩnh vực)	Địa điểm xây dựng	Quy mô		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến phân bổ nguồn vốn 2026-2035 (tỷ đồng)			Ghi chú
			(ha)	(m)		Tổng số	Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn Địa phương	
5	Dự án mở rộng khu tái định cư Nam kênh 10 - Tây kênh 13	xã Châu Phú	4,5		40	40		40	
VI	Nạo vét kênh			225.406	1.546	1.546	1.435	111	
1	Đầu tư các kênh cấp 2 vùng Tứ Giác Long Xuyên, tỉnh An Giang (Nạo vét 10 tuyến kênh: Kênh 9, kênh Thời Trang, kênh 1C, kênh 6, kênh G, kênh 1B, kênh Bộ Đội + kênh H, kênh T1, kênh T1A, kênh T2).	xã Hòa Điền và xã Vĩnh Điều		118.306	111	111		111	
2	Dự án đầu tư xây dựng cống và cải tạo, nâng cấp các hệ thống kênh trục cho vùng Tứ giác Long Xuyên, tỉnh An Giang	Vùng Tứ giác Long Xuyên thuộc địa bàn tỉnh An Giang		107.100	1.435	1.435	1.435		

Phụ lục 2

Danh mục các nhiệm vụ cụ thể triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao nhận thức và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu			
1	Tăng cường quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả quan điểm “chủ động thích ứng” với biến đổi khí hậu; tôn trọng quy luật tự nhiên, nhận diện đúng bản chất, nguyên nhân của các hiện tượng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn để chủ động xây dựng giải pháp phòng ngừa, ứng phó, xử lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh theo hướng tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình.	Các sở, ngành, các xã, phường, đặc khu		Thường xuyên
2	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác cát sông, khai thác nước dưới đất, lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, xây dựng công trình làm ảnh hưởng dòng chảy, gây gia tăng nguy cơ sạt lở, ngập úng trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
3	Chủ động rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai phù hợp với từng vùng sinh thái của tỉnh, nhất là khu vực ven biển Tây, vùng U Minh Thượng, Tứ giác Long Xuyên và các khu vực ven sông Tiền, sông Hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
II	Hoàn thiện rà soát, bổ sung quy hoạch và thể chế, chính sách, các quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn			
1	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và kế hoạch thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 các quy hoạch có liên quan và rà soát, đề xuất cập nhật, bổ sung kịp thời theo quy định.			
1.1	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển trên địa bàn tỉnh vào quy hoạch tổng thể của tỉnh.	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
1.2	Rà soát, đề xuất, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển trên địa bàn tỉnh vào quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Hàng năm

1.3	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển trên địa bàn tỉnh vào quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
1.4	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển trên địa bàn vào các quy hoạch của cấp xã.	Các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
2	Hoàn thành việc rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trong các lĩnh vực: tài nguyên nước, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đất đai, lâm nghiệp, xây dựng, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn.			
2.1	Rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trong các lĩnh vực: tài nguyên nước, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đất đai, lâm nghiệp, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Tháng 12/2027
2.2	Hoàn thành việc rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Tháng 12/2027
3	Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu; phát triển mô hình sinh kế thích ứng (tôm - lúa, nông nghiệp thông minh), các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm nước, giảm phát thải; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng ngập mặn gắn với quản lý, khai thác tín chỉ carbon và các nguồn lợi từ rừng. Trong đó, tập trung triển khai Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long gắn với các giải pháp tiết kiệm nước, tưới ngập khô xen kẽ, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu quả sản xuất; Đề án Bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh An Giang; Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, đảm bảo an ninh lương thực, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Tháng 12/2027
4	Triển khai, thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất; trồng, khôi phục rừng ngập mặn ven biển; xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; khai thác	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Tháng 12/2027

	hiệu quả các nguồn lực bổ sung như bán tín chỉ carbon và các nguồn lực hợp pháp khác.			
5	Rà soát, đề xuất hoàn thiện và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đa mục tiêu, trong đó bảo đảm lồng ghép yêu cầu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán và xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.			
5.1	Rà soát, đề xuất hoàn thiện và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công trình phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Tháng 12/2027
5.2	Rà soát, đề xuất hoàn thiện và tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đa mục tiêu khác, trong đó có lồng ghép mục tiêu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.	Sở Xây dựng, Sở Công thương	Các sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	Tháng 12/2027
III	Kiến toàn tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước			
1	Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên nước, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất đầu mối quản lý; củng cố lực lượng phòng, chống thiên tai từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành, cứu hộ cứu nạn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ	2026 - 2030
2	Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về nguồn nước, hệ thống công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành liên quan	Hàng năm
IV	Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước, hệ thống hạ tầng thủy lợi, đê điều và chống ngập đô thị			
1	Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch vận hành hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo từng mùa vụ, từng khu vực; chủ động trữ nước tại các kênh, rạch, hồ tự nhiên, trữ nước lũ ở vùng ngập sâu, có các phương án, giải pháp sử dụng nguồn nước, thu trữ nước để ứng phó với hạn mặn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Xây dựng, các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
2	Điều tra, đánh giá trữ lượng nước dưới đất, khoanh định và kiểm soát khu vực hạn chế khai thác, ưu tiên khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt và trong tình huống khẩn cấp do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành liên quan	2026 - 2035
3	Chủ động rà soát, sắp xếp, di dời dân cư ven sông, kênh rạch, khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sạt lở nhằm đảm bảo ổn định đời	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; các xã,	2026 - 2035

	sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.		phường, đặc khu	
4	Quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng nhà ở, công trình ven sông, kênh, rạch; các hoạt động khai thác cát lòng sông, khoan định các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; các hoạt động khai thác nước ngầm và các hoạt động có nguy cơ làm gia tăng sụt lún, sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn.	Các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành liên quan	Thường xuyên
V	Đánh giá tác động của hệ thống hạ tầng. Đầu tư xây dựng các dự án tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn			
1	Rà soát, đánh giá hiệu quả, tác động của các công trình, cơ sở hạ tầng đã đầu tư liên quan đến sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; khắc phục những hạn chế, kịp thời điều chỉnh các dự án, công trình còn bất cập.			
1.1	Rà soát, đánh giá hiệu quả, tác động của các công trình đề điều; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; khí tượng thủy văn và các cơ sở hạ tầng ngành nông nghiệp và môi trường đã đầu tư; khắc phục những hạn chế, kịp thời điều chỉnh các dự án, công trình còn bất cập.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành liên quan	2026 - 2035
1.2	Rà soát, đánh giá hiệu quả, tác động của các công trình, cơ sở hạ tầng đã đầu tư khác liên quan đến sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; khắc phục những hạn chế, kịp thời điều chỉnh các dự án, công trình còn bất cập.	Các Sở, ngành: Quân sự, Công an, Xây dựng, Công thương	Các xã, phường, đặc khu	2026 - 2035
2	Đầu tư các dự án phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn có tính tổng thể, liên vùng, đa mục tiêu, thích ứng thông minh, ứng dụng khoa học - công nghệ; các dự án cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư ở những khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ xảy ra sụt lún, sạt lở cao.			
2.1	Ưu tiên đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình kiểm soát mặn, giữ ngọt, điều tiết nguồn nước tại các khu vực ven biển, cửa sông và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn; nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp ở các vùng sinh thái (vùng ngọt, ngọt - lợ, lợ - mặn) nhằm chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính	2026 - 2035
2.2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình cấp nước sinh hoạt cho các khu vực khan hiếm nguồn nước, vùng biên giới và hải đảo đảm bảo cấp nước an toàn, bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính	2026 - 2035

2.3	Trên cơ sở quy hoạch tỉnh từng bước đầu tư các dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất ở các khu vực tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính, Sở Xây dựng	2026 - 2035
2.4	Tập trung xử lý các điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm trên sông Tiền và sông Hậu, nhất là các khu vực uy hiếp trực tiếp khu dân cư, công trình hạ tầng trọng yếu và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Áp dụng đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xói lở nghiêm trọng, đặc biệt khu vực An Minh, An Biên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính, Sở Xây dựng	2026 - 2035
2.5	Tranh thủ nguồn lực đầu tư các cụm, tuyến dân cư phòng tránh thiên tai và sắp xếp, di dời dân cư ven sông, kênh, rạch, khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng, có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sạt lở.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính, Sở Xây dựng	2026 - 2035
2.6	Huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị theo mô hình xanh, thông minh, đặc thù sông nước, cải tạo hệ thống hạ tầng chống ngập đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2035
3	Phối hợp cùng bộ, ngành liên quan đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, ứng dụng công nghệ và mô hình dự báo trên địa bàn, nhằm nâng cao chất lượng, độ tin cậy công tác cảnh báo sớm. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường,	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
4	Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (bao gồm cả nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài) để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	2026 - 2035
VI	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ cao, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản lý, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ điều hành công tác phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.	Sở Khoa học và Công nghệ, các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ngành liên quan	2026 - 2035
2	Phối hợp với các bộ, ngành trung ương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, liên thông, dùng chung; hoàn thiện cơ chế cập nhật, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn giữa các sở, ngành, địa phương với các bộ, ngành.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã,	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây	2026 - 2035

		phường, đặc khu	dựng, Quân sự, Công an	
3	Ưu tiên sử dụng vật liệu tái chế, thân thiện môi trường, thay thế cát lòng sông.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
4	Áp dụng các giải pháp phi công trình, những giải pháp, cách làm hay trong khắc phục sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Các xã, phường, đặc khu	2026-2030
5	Nghiên cứu, sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản, phương thức canh tác, nuôi trồng hiện đại, phù hợp điều kiện tự nhiên, tiết kiệm nguồn nước và các vật tư đầu vào, nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm phát thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2035
VII	Tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng và hợp tác quốc tế			
1	Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức liên quan trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước và phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã, phường, đặc khu	2026 - 2035
2	Tham gia các chương trình, cơ chế hợp tác liên vùng, hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn phù hợp với điều kiện của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Du lịch; Các sở, ngành liên quan, các xã, phường, đặc khu	2026 - 2035
VIII	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức liên quan đến phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn			
1	Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trong tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ rừng, đất đai, xây dựng, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân, phát huy vai trò của người dân trong phòng ngừa và ứng phó; tăng cường tuyên truyền sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ hành lang sông, kênh, rạch, hạn chế khai thác nước dưới đất và chủ động tham gia phòng, chống thiên tai tại cộng đồng.	Sở Văn hoá và Thể thao; các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành liên quan	2026 - 2035
2	Sử dụng nền tảng số, ứng dụng di động, hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội chính thống và các kênh số của chính quyền địa phương để tuyên truyền, cảnh báo,	Sở Khoa học và Công nghệ;	Sở Văn hóa và Thể thao	2026 - 2035

	hướng dẫn người dân phòng, chống sạt lở, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.	các xã, phường, đặc khu		
3	Lồng ghép nâng cao kỹ năng số cho cộng đồng, đặc biệt là người dân nông thôn, hợp tác xã, tổ công nghệ số cộng đồng, cán bộ cấp xã.	Các xã, phường, đặc khu	Sở Văn hoá và Thể thao; Sở Khoa học và Công nghệ;	2026 - 2035